

Bản án số: 31/2021/HSST
Ngày: 3 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 22/02/2021 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: Đoàn Thị L; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/3/1973; nơi cư trú: Xóm 3 (xóm Tân Ph), xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đoàn Văn D (chết) và con bà Lê Thị T; Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Có 02 con; lớn nhất sinh 1994 nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/3/2020 đến ngày 14/7/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: Ngô Thị Hồng H; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/10/1995 tại huyện Quỳnh H, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm Tân Ph (xóm 3 cũ), xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ngô Xuân Tr, sinh năm 1974 và con bà Trương Thị Ng, sinh năm 1975; anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; Có 01 con, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình Th; sinh năm 1976; có mặt

Địa chỉ: Xóm 8, xã Tây Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

2. Chị Đặng Thị L; sinh năm 1982; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 8, xã Tăng Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

3. Anh Lương Xuân T; sinh năm 1971; có mặt

Địa chỉ: Xóm 8, xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

4. Anh Lương Xuân Th; sinh năm 1962; có mặt

Địa chỉ: Xóm Đông T, xã Hợp Th, huyện Yên Th, Nghệ An

5. Anh Nguyễn Bá Kh; sinh năm 1971; có mặt

Địa chỉ: Xóm Phúc Th, xã Đức Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An

6. Bà Phan Thị H; sinh năm 1952; có mặt

Địa chỉ: Khôi 4, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An

7. Chị Tăng Thị Th; sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 2 (Tân Ph), xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An

8. Chị Trần Thị Th; sinh năm 1979; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 2(Tân Ph), xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An

9. Chị Võ Thị H; sinh năm 1974; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 2(Tân Ph), xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Lương Xuân T: Bà Lê Thị Kim S: Luật sư, văn phòng Luật sư Lê Tr, đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở kết quả điều tra, đã xác định được như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2019, Phan Thị H, trú tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An liên lạc với Thái Thị Nh, trú tại xã Long Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An thì Nh cho biết đang ở nước ngoài cùng với Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (trú tại xóm 3, xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An). Nh giới thiệu đang làm nghề xây dựng, công việc cũng ổn định. Thấy vậy, Phan Thị H hỏi Nh “*có việc chi làm được cho em trai (Phan Xuân T) sang làm cùng với*”. Nh nói: “*để tôi cho địa chỉ facebook của anh T liên lạc với T rồi hỏi anh T mà đi*”. Sau đó, Phan Thị H giới thiệu Facebook của Nguyễn Văn T cho Phan Xuân T để T liên lạc. Phan Xuân T đã liên lạc trao đổi với Nguyễn Văn T để đi nước ngoài lao động. Thời gian này, T gặp Lương Xuân T (sinh năm 1971, trú tại xóm 8, xã Hợp Th, huyện Yên Th), khi T biết T làm thủ tục đi New Zealand lao động nên anh T cũng xin Facebook của T để hỏi thủ tục đi. Trong quá trình liên lạc, giữa hai bên đã có những thỏa thuận ban đầu Th qua Facebook. Để làm tin, T nói T và T đến nhà gặp vợ T là Đoàn Thị L (sinh năm 1973, trú tại xóm 3, xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An) để được hướng dẫn thêm. Sau đó, T đã liên lạc (gọi điện) qua Facebook về cho Đoàn Thị L trao đổi Th

tin nói chuẩn bị tiếp đón mấy người đến đăng ký đi New Zealand. Theo hướng dẫn của T, Phan Xuân T nhờ Phan Thị H dẫn T và Lương Xuân T đến gặp Đoàn Thị L tại nhà riêng ở xóm 3, xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An để trao đổi việc làm thủ tục đi lao động tại New Zealand. Khi gặp Đoàn Thị L, T và T hỏi về việc làm thủ tục đi New Zealand, thì L lấy điện thoại ra gọi (Th qua Facebook) cho Nguyễn Văn T để các lao động trao đổi trực tiếp với T. T và T được T hứa hẹn sẽ đưa sang New Zealand với chi phí mỗi người 8.500 USD, đi theo điện thư mời, sang làm nghề xây dựng, có chỗ ăn nghỉ đầy đủ, thủ tục chỉ cần hộ chiếu, giấy xác nhận tư pháp, chụp ảnh gửi qua Facebook cho T để làm thủ tục là được. Sang đến nơi sẽ được T đón bố trí nơi ăn nghỉ và tìm kiếm việc làm thu nhập mỗi tháng từ 20 triệu đến 40 triệu đồng trong thời gian 2 năm và sau đó T sẽ lo giấy tờ để được ở lại lâu hơn. Sau khi nghe T tư vấn xong, các lao động đồng ý đi và được T hướng dẫn nộp tiền và các thủ tục ban đầu cho Đoàn Thị L. Cùng thời gian này, có thêm Nguyễn Đình Th (sinh năm 1976, trú tại xã Tây Th), Nguyễn Bá T (sinh năm 1997, trú tại xã Đức Th) cùng trú tại huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An và Nguyễn Hữu D (sinh năm 1989), Trần Ngọc H (sinh năm 1997), Ngô Quang Kh (sinh năm 1975) cùng trú tại xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An biết được Th tin nên cũng đã liên lạc với Nguyễn Văn T hỏi làm thủ tục đi New Zealand và được T tư vấn như Lương Xuân T đi theo điện thư mời và hướng dẫn đến nộp tiền cho Đoàn Thị L. Nguyễn Văn T đã chỉ đạo Đoàn Thị L thu tiền của 06 lao động tổng cộng 932.865.000 đồng. Số tiền cụ thể như sau: Lương Xuân T 196.755.000 đồng; Nguyễn Đình Th 196.755.000 đồng (sau đó T đã bớt cho Th và T mỗi người 500 USD, số tiền được bớt này T chỉ đạo Đoàn Thị L đưa cho Phan Xuân T là 23.150.000 đồng để đưa cho gia đình Th và T); Nguyễn Bá Kh (bố của Nguyễn Bá T) 196.755.000 đồng; Võ Thị H (mẹ của Trần Ngọc H) 130.000.000 đồng; Nguyễn Hữu D 92.600.000 đồng; Ngô Quang Kh 120.000.000 đồng, còn Phan Xuân T do bận việc gia đình nên không nộp tiền. Quá trình giao nhận tiền, Đoàn Thị L do mắt kém, chữ xấu nên đã nhờ con dâu là Ngô Thị Hồng H đếm, viết giấy nhận tiền và cùng ký tên vào giấy. Nhận tiền và các thủ tục xong Nguyễn Văn T chỉ đạo Đoàn Thị L chuyển tiền sang cho T để thanh toán và lo chi phí đưa các lao động sang Samoa. Nguyễn Văn T đã đặt vé máy bay cho các lao động và liên lạc với Đoàn Thị L thanh toán vé máy bay và tiếp nhận thư mời qua ứng dụng Messenger để L in ra đưa cho các lao động nhưng do L không Th thạo cách sử dụng về ứng dụng Internet trên điện thoại nên T và L đã nhờ con dâu là Ngô Thị Hồng H cùng với Đoàn Thị L thanh toán tiền vé máy bay, tiếp nhận hình ảnh vé và thư mời qua ứng dụng Messenger để in ra. Sau đó, Đoàn Thị L đưa thư mời cho các lao động cầm theo khi xuất cảnh. Ngày 22/11/2019, Đoàn Thị L báo tin cho các lao động là ngày 23/11/2019 tập trung tại nhà L để đi ra Hà Nội. L đã thuê xe ô tô chở 06 lao động ra sân bay Vinh để đi Hà Nội. Ngày 23/11/2019, 06 lao động gồm Lương Xuân T, Nguyễn Đình Th, Nguyễn Hữu D, Ngô Quang Kh, Nguyễn Bá T và Trần Ngọc H theo sự hướng dẫn của T đã đi ra Hà Nội làm thủ tục xuất cảnh sang Samoa qua sân bay Nội Bài. Khi sang đến Samoa, Nguyễn Văn T ra

đón 06 lao động về nơi T ở, sắp xếp bố trí chỗ ăn ở. Sang Samoa một thời gian, do Nguyễn Văn T không bố trí được công việc như đã hứa hẹn nên Nguyễn Đình Th và Lương Xuân T yêu cầu Nguyễn Văn T đưa họ về Việt Nam, T đồng ý và yêu cầu Th phải nộp 1.000 USD (một nghìn đô la Mỹ) và T nộp 1.500 USD (một nghìn năm trăm đô la Mỹ) để T mua vé máy bay từ Samoa về Việt Nam. Ngày 21/01/2020 cả Th và T về đến Việt Nam, còn 04 lao động khác (Nguyễn Hữu D, Ngô Quang Kh, Nguyễn Bá T và Trần Ngọc H) tiếp tục ở lại Samoa tự kiếm việc làm.

Vật chứng trong vụ án:

01 (một) điện thoại di động iPhone có mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, có số Imei: 355849082275901 không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng. (Thu giữ của Đoàn Thị L);

Với nội dung trên Cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H khai báo phù hợp nội dung bản cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 5, Điều 54; Điều 58; Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Thị L 30 đến 36 tháng tù, về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài"

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị Hồng H 24 đến 30 tháng tù, về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài", cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Thị Hồng H cho Ủy ban nhân dân xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, Tỉnh Nghệ An, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt tiền theo khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo. Tịch thu điện thoại di động của bị cáo Đoàn Thị L dùng vào việc phạm tội để sung quỹ nhà nước. theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã quy kết. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài L chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động tư vấn, môi giới, tuyển dụng, đưa người lao động Việt Nam sang nước ngoài lao động làm việc nhưng từ tháng 10/2019 đến ngày 23/11/2019, Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu tại Diễn Ng, huyện Diễn Ch là người đang đi lao động ở Samoa đã liên lạc qua điện thoại tư vấn, hứa hẹn cho 06 lao động sang Samoa làm việc. Nguyễn Văn T dùng điện thoại di động đã chỉ đạo vợ của mình là Đoàn Thị L nhận của 06 lao động với tổng số tiền là 932.865.000 đồng. Cụ thể, đã thu của Lương Xuân T 196.755.000 đồng; Nguyễn Đình Th 196.755.000 đồng; Nguyễn Bá Kh (bố của Nguyễn Bá T) 196.755.000 đồng; Võ Thị H (mẹ của Trần Ngọc H) 130.000.000 đồng; Nguyễn Hữu D 92.600.000 đồng; Ngô Quang Kh 120.000.000 đồng.

Ngô Thị Hồng H biết bố chồng là Nguyễn Văn T không có chức năng đưa người đi nước ngoài lao động nhưng đã giúp sức cho Nguyễn Văn T và Đoàn Thị L việc nhận tiền, hồ sơ, thuê xe chở lao động ra sân bay, thanh toán vé máy bay, in thư mời cho 06 lao động đi nước ngoài và ở lại nước ngoài trái phép.

Như vậy, các bị cáo không có quyền tổ chức cho người khác đi nước ngoài lao động và ở lại nước ngoài, nhưng vì hám lợi đã bất chấp vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước phạm tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét vai trò các bị cáo trong vụ án:

[3.1] Trong vụ án bị cáo Đoàn Thị L là vợ của Nguyễn Văn T, T đang đi lao động ở nước ngoài Th qua mạng điện thoại T liên hệ bàn bạc, giao trách nhiệm cho L làm cầu nối trong nước, để T hướng dẫn làm các thủ tục bằng con đường du lịch qua thư mời của T để 6 người đi nước ngoài lao động. Như vậy, bị cáo Đoàn Thị L bị T chủ động lôi kéo rủ rê vào con đường phạm tội, với vai trò đồng phạm, giúp sức để vợ chồng thu lợi, trong hai bị cáo đưa ra xét xử lần này bị cáo Đoàn Thị L vai trò chính.

[3.2] Bị cáo Ngô Thị Hồng H là con dâu trong gia đình biết rõ bố, mẹ chồng không có thẩm quyền đưa người khác ra nước ngoài, nhưng đã giúp Đoàn Thị L, việc nhận tiền, hồ sơ, thuê xe chở lao động ra sân bay, thanh toán vé máy bay, sử dụng mạng điện thoại, đã tổ chức cho 06 người trốn đi nước ngoài Th qua hình thức đi du lịch và ở lại nước ngoài trái phép, bị cáo phạm tội vai trò đồng phạm giúp sức cho bố mẹ chồng phạm tội, được quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự.

[4] Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H không bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H biết phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, gửi tiền liên hệ đưa một số người trở về nước theo yêu cầu và trả lại tiền cho người có quyền lợi liên quan; Quá trình điều tra có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đoàn Thị L có bố, mẹ tham gia kháng chiến được tặng huân huy chương. Bị cáo Ngô Thị Hồng H có mẹ có thành tích được Hội liên hiệp phụ nữ tặng bằng khen. Vì vậy, hai bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội chỉ là vai trò đồng phạm, bị rủ rê lôi kéo, đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, do đó chấp nhận áp dụng Điều 54, Điều 58 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật như đại diện Viện kiểm sát phân tích đề nghị tại phiên tòa.

Ngoài ra bị cáo Ngô Thị Hồng H là con dâu trong gia đình, trong vụ án đóng vai trò giúp sức, bố chồng là chủ mưu, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ khoản 1 Điều 51, không bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 18 tháng tuổi, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội cho bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

Các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đi nước ngoài bất hợp pháp, thực hiện quan hệ dân sự trái pháp luật, lẽ ra cần xử lý theo quy định pháp luật nhưng do hiểu biết và tình trạng chung hiện nay thiếu việc làm nên cần rút kinh nghiệm.

Về trách nhiệm dân sự, do Nguyễn Văn T là người chủ mưu đang bị truy nã, quan hệ dân sự trái pháp luật chưa có bằng chứng giải quyết trong vụ án này. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được việc hai bị cáo thu lợi do phạm tội, nên chưa có căn cứ để truy thu tiền thu lợi do phạm tội mà có và cũng không áp dụng khoản 4 Điều 349 để phạt tiền các bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T thực hiện vai trò chủ mưu, Cơ quan an ninh điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh truy nã bắt được xử lý sau.

[5]. Về vật chứng: 01(một) điện thoại di động Iphone có mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, có số Imei: 355849082275901 không gắn thẻ sim, đã qua sử

dụng, của Đoàn Thị L dùng vào việc phạm tội tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Thị L 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 3 năm 2020 đến ngày 14 tháng 7 năm 2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị Hồng H 24(hai mươi bốn) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Thị Hồng H cho Ủy ban nhân dân xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Ngô Thị Hồng H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Ngô Thị Hồng H có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu của Đoàn Thị L 01(một) điện thoại di động iPhone có mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, có số Imei: 355849082275901 nộp ngân sách nhà nước. Đặc điểm vật chứng ghi rõ tại biên bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa Điều tra viên với Thủ kho Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đoàn Thị L và bị cáo Ngô Thị Hồng H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Ng, huyện Diễn Ch;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo,
- Người có quyền lợi liên quan
- Lưu Tòa hình sự, hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thi